

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và
công nghệ tỉnh Kiên Giang thực hiện năm 2018**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 16/2006/QĐ-UBND ngày 30/5/2006 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc ban hành quy định việc xác định các đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 77/TTr-SKH-CN ngày 31/7/2017 về việc ban hành quyết định phê duyệt các đề tài, dự án khoa học và công nghệ tỉnh Kiên Giang thực hiện năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Kiên Giang thực hiện năm 2018 (danh mục kèm theo) gồm:

1. Các đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh (đã bao gồm 02 dự án triển khai Đề án Bảo tồn các nguồn gen động, thực vật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang thực hiện từ năm 2014 đến năm 2020, bố trí kế hoạch năm 2018).

- Lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ: 03

- Lĩnh vực khoa học nông nghiệp: 06 (có 02 dự án bảo tồn quỹ gen)

- Lĩnh vực khoa học xã hội: 02

- Lĩnh vực khoa học nhân văn: 01

2. Các đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở tại các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị trong tỉnh.

3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác.

Tổng kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện các nhiệm vụ khoa học dự kiến là **21.535** triệu đồng, trong đó bố trí năm 2018 là 18.635 triệu đồng, năm 2019 là 2.900 triệu đồng.



Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Tài chính tổ chức thẩm định để xác định số kinh phí phải chi cho từng đề tài, dự án theo danh mục trong tổng mức kinh phí dự kiến nêu trên. Trong trường hợp có phát sinh tăng phải xin ý kiến Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các cơ quan, đơn vị, chủ nhiệm đề tài, dự án chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 của QĐ;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh. Phó CVP;
- Phòng VHXXH;
- Lưu: VT, pthtran.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



(Handwritten signature)

Mai Văn Huỳnh





DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH KIÊN GIANG THỰC HIỆN NĂM 2018
(Kèm theo Quyết định số: 1774/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang)

S T T	Tên đề tài, dự án	Thời gian thực hiện (tháng)	Mục tiêu cụ thể	Nội dung chủ yếu	Sản phẩm dự kiến	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Dự kiến kinh phí SNKH (triệu đồng)		Kinh phí tự có (triệu đồng)	Địa chỉ áp dụng	Ghi chú
							Năm 2018	Năm 2019			
A	Đề tài, dự án cấp tỉnh					12.325	4.335	2.900	5.090		
I	Lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ (03)					6.090	1.750	1.250	3.090		
1	Nghiên cứu đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công nghệ từ sản xuất đến sau thu hoạch đối với sản phẩm lúa và thủy sản tỉnh Kiên Giang, giai đoạn đến năm 2025.	18	- Xây dựng cơ sở khoa học, đánh giá đúng thực trạng, tồn tại của công nghệ từ khâu sản xuất đến sau thu hoạch đối với sản phẩm lúa và thủy sản tỉnh Kiên Giang. - Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả từ sản xuất đến sau thu hoạch đối với sản phẩm lúa và thủy sản. - Triển khai một số mô hình ứng dụng có đầu tư, trang bị, sử dụng máy móc công nghệ hiện đại từ khâu sản xuất đến sau thu hoạch đối với sản phẩm lúa và thủy sản.	- Khảo sát, đánh giá thực trạng và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến công nghệ từ sản xuất đến sau thu hoạch đối với sản phẩm lúa và thủy sản tỉnh Kiên Giang. - Dự báo hướng phát triển công nghệ từ sản xuất đến sau thu hoạch đối với sản phẩm lúa và thủy sản đến 2025. - Xây dựng bộ tiêu chí về công nghệ từ sản xuất đến sau thu hoạch đối với sản phẩm lúa và thủy sản tỉnh Kiên Giang. - Đề xuất các giải pháp thúc đẩy sử dụng công nghệ hiện đại từ sản xuất đến sau thu hoạch đối với sản phẩm lúa và thủy sản. - Triển khai một số mô hình ứng dụng có đầu tư, trang bị, sử dụng máy móc công nghệ hiện đại phục vụ từ khâu sản xuất đến sau thu hoạch đối với sản phẩm lúa và thủy sản.	- Báo cáo tổng kết, tóm tắt đề tài. - Bộ số liệu điều tra, khảo sát. - Bộ tiêu chí về công nghệ từ sản xuất đến sau thu hoạch đối với sản phẩm lúa và thủy sản tỉnh Kiên Giang. - Kết quả thực hiện các mô hình ứng dụng có đầu tư, trang bị, sử dụng máy móc công nghệ hiện đại. - 03 báo cáo chuyên đề về thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng; dự báo hướng phát triển công nghệ đến 2025; các giải pháp thúc đẩy sử dụng công nghệ. - 01 phim phóng sự. - 02 bài báo trên tạp chí công nghiệp nông thôn. - Tham gia đào tạo 01 ThS, 01 TS.	3.800	500	300	3.000	Toàn tỉnh Kiên Giang và nhân rộng các tỉnh	

2	<p>Nghiên cứu tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, dư lượng kháng sinh, chất bảo quản trong rau, củ, quả, thịt cá và để xuất giai pháp khác phục trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.</p>	<p>12</p> <p>- Xây dựng quy trình xác định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật phổ biến trong rau, củ, quả; quy trình xác định dư lượng kháng sinh và chất bảo quản thường nhiễm trong thịt, cá tại tỉnh Kiên Giang bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC).</p> <p>- Khảo sát, đánh giá đúng thực trạng tồn lưu thuốc bảo vệ thực vật phổ biến trong rau, củ, quả; dư lượng kháng sinh, chất bảo quản thường nhiễm trong thịt, cá tại tỉnh Kiên Giang bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC).</p> <p>- Đề xuất các giải pháp khác phục từ sản xuất đến thu hoạch, chế biến, bảo quản rau, củ, quả, thịt, cá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.</p>	<p>- Xây dựng và hoàn thiện quy trình xác định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật phổ biến trong rau củ quả; quy trình xác định dư lượng kháng sinh và chất bảo quản thường nhiễm trong thịt, cá tại tỉnh Kiên Giang bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC).</p> <p>- Khảo sát, đánh giá tình hình sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và khả năng xác định dư lượng thuốc BVTV phổ biến trong rau, củ, quả; sử dụng kháng sinh và chất bảo quản trong thịt, cá và khả năng xác định dư lượng kháng sinh và chất bảo quản trong thịt, cá tại tỉnh Kiên Giang bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC).</p> <p>- Xây dựng và triển khai ứng dụng các quy trình xử lý mẫu để phân tích các thuốc BVTV phổ biến trong rau củ quả; phân tích kháng sinh và chất bảo quản trong thịt, cá ở tỉnh Kiên Giang.</p> <p>- Đề xuất các giải pháp cụ thể khác phục từ sản xuất đến thu hoạch, chế biến, bảo quản rau, củ, quả, thịt, cá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.</p>	<p>- Báo cáo tổng kết, tóm tắt đề tài.</p> <p>- Bộ số liệu khảo sát, kết quả phân tích mẫu.</p> <p>- Các quy trình: (1) Xử lý mẫu xác định dư lượng các loại thuốc BVTV phổ biến trong rau củ, quả; (2) xử lý mẫu để phân tích kháng sinh và chất bảo quản trong thịt, cá tại tỉnh Kiên Giang bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC).</p> <p>- 03 báo cáo chuyên đề.</p> <p>- Trang thiết bị đầu tư: 01 hệ thống đồng bộ máy sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC).</p> <p>- 50 kỹ thuật viên được đào tạo về quy trình thu mẫu, phân tích, đọc kết quả phân tích bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC).</p> <p>- 02 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành.</p> <p>- 02 chuyên mục phát trên sóng phát thanh và truyền hình Kiên Giang.</p> <p>- Tham gia đào tạo 01 ThS.</p>	1.800	1.090	800	<p>0 - Số Y tế</p> <p>- Sở NN&PTN</p> <p>T</p> <p>- Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN</p> <p>- Chi cục TT&BVTV,</p> <p>- Chi cục VSATTP</p> <p>- Các ngành có liên quan</p>
---	---	--	---	--	-------	-------	-----	--

3	Nghiên cứu và triển khai mô hình quản lý sức khỏe cộng đồng theo giải pháp thông minh tại tỉnh Kiên Giang	24	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá đúng thực trạng và đề xuất giải pháp triển khai hiệu quả mô hình quản lý sức khỏe cộng đồng theo giải pháp thông minh tại 4 huyện thuộc 4 vùng sinh thái của tỉnh Kiên Giang. - Triển khai và đánh giá hiệu quả của mô hình quản lý sức khỏe cộng đồng theo giải pháp thông minh tại 4 xã của 4 huyện thuộc 4 vùng sinh thái của tỉnh Kiên Giang và đề xuất biện pháp nhân rộng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp triển khai hiệu quả mô hình quản lý sức khỏe cộng đồng theo giải pháp thông minh tại 4 huyện thuộc 4 vùng sinh thái của tỉnh Kiên Giang. - Triển khai mô hình quản lý sức khỏe cộng đồng theo giải pháp thông minh tại 4 xã của 4 huyện thuộc 4 vùng sinh thái của tỉnh Kiên Giang, trong đó phải xây dựng được hồ sơ quản lý sức khỏe cho 100% người dân một cách toàn diện từ thủ tục hành chính, tiền sử, bệnh sử, sức khỏe hiện tại,... và tổ chức kiểm tra sức khỏe ban đầu một cách toàn diện, lập hồ sơ quản lý bằng công nghệ thông tin tại trạm y tế xã. - Đánh giá hiệu quả triển khai mô hình quản lý sức khỏe cộng đồng theo giải pháp thông minh và đề xuất biện pháp nhân rộng mô hình cho toàn tỉnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tổng kết, tóm tắt đề tài. - Bộ số liệu điều tra, khảo sát và hồ sơ quản lý sức khỏe của 100% người dân tại 4 xã của 4 huyện thuộc 4 vùng sinh thái của tỉnh Kiên Giang. - Phần mềm và quy trình quản lý sức khỏe cộng đồng theo giải pháp thông minh. - Đào tạo tập huấn cho 100 cán bộ y tế nắm vững quy trình quản lý sức khỏe cộng đồng theo giải pháp thông minh. - 02 báo cáo chuyên đề về thực trạng và giải pháp; kết quả triển khai mô hình và các biện pháp nhân rộng. - 02 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành. - Tham gia đào tạo 01 THS. 	490	250	150	90	Toàn tỉnh và mở rộng cả nước	
11	Lĩnh vực khoa học nông nghiệp (06)					5.100	1.850	1.250	2.000		
1	Nghiên cứu xây dựng quy trình trồng nấm tràm (Tylopius fellets) và xây dựng nhân hiệu tập thể tại tỉnh Kiên Giang	18	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng quy trình trồng nấm tràm trong điều kiện nhà lưới tại tỉnh Kiên Giang. - Triển khai thí điểm trồng nấm tràm trong điều kiện nhà lưới và hoàn thiện quy trình kỹ thuật. - Xây dựng nhân hiệu tập thể nấm tràm Kiên Giang. - Tập huấn quy trình kỹ thuật trồng nấm tràm trong điều kiện nhà lưới cho 40 người. 	<ul style="list-style-type: none"> - Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin về sự phân bố, đặc điểm hình thái, sinh thái, sinh trưởng và phát triển của nấm tràm; thông tin về năng suất, sản lượng và diện tích khai thác, thu hoạch nấm tràm tự nhiên ở Kiên Giang. - Phân tích các giá trị về mặt kinh tế - du lịch, văn hóa - xã hội, ẩm thực - dinh dưỡng; được liệu - y học của nấm tràm. - Xây dựng quy trình và triển khai trồng nấm tràm trong điều kiện nhà lưới tại tỉnh Kiên Giang. - Xây dựng nhân hiệu tập thể nấm tràm Kiên Giang. - Tập huấn quy trình kỹ thuật trồng nấm tràm trong điều kiện nhà lưới cho 40 cán bộ kỹ thuật và nông dân vùng triển khai mô hình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tổng kết, tóm tắt đề tài. - Bộ tư liệu điều tra, khảo sát. - Kết quả phân tích dinh dưỡng, được liệu trong nấm tràm. - Quy trình trồng nấm tràm trong điều kiện nhà lưới tại tỉnh Kiên Giang. - 01 báo cáo chuyên đề kết quả xây dựng mô hình trồng nấm tràm trong điều kiện nhà lưới. - Sản lượng nấm tràm trong mô hình. - Danh sách và tài liệu tập huấn kỹ thuật. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước. - Hồ sơ xin chứng nhận nhân hiệu tập thể được Cục SHTT chấp nhận đơn. 	450	300	150		UBND tỉnh; Sở KH&CN; Sở NN&PTN T; Hội Nông dân; Trường DH K.G; UBND huyện Phú Quốc, Giang	Thành và các nông hộ; ngân hàng; du lịch.

2	<p>Nghiên cứu nâng cao chuỗi giá trị các sản phẩm đặc trưng của địa phương, kết hợp du lịch, trưng bày và trình diễn mô hình KH&CN.</p>	24	<p>- Có được thông tin đầy đủ về các sản phẩm đặc trưng của địa phương có thể kết hợp du lịch, trưng bày và trình diễn mô hình KH&CN. - Đề xuất các mô hình du lịch sinh thái gắn với trưng bày các sản phẩm đặc trưng của địa phương. - Có được mô hình liên kết chuỗi giá trị các sản phẩm đặc trưng kết hợp du lịch sinh thái và trình diễn mô hình KH&CN được duy trì bền vững làm cơ sở để xuất hiện pháp nhân rộng chuỗi giá trị các sản phẩm đặc trưng cho các địa phương khác trong tỉnh.</p>	<p>- Điều tra, khảo sát thông tin về các sản phẩm đặc trưng của địa phương có thể kết hợp du lịch, trưng bày và trình diễn mô hình KH&CN. - Đề xuất mô hình du lịch sinh thái gắn với trưng bày các sản phẩm đặc trưng của huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. - Triển khai mô hình liên kết chuỗi giá trị các sản phẩm đặc trưng kết hợp du lịch sinh thái và trình diễn mô hình KH&CN. - Đánh giá hiệu quả mô hình và đề xuất biện pháp nhân rộng chuỗi giá trị các sản phẩm đặc trưng cho các địa phương khác trong tỉnh.</p>	<p>2.750</p> <p>400</p> <p>350</p> <p>2.000</p> <p>Trung tâm UDTB KH&CN; Phòng Kinh tế hạ tầng Gò Quao; Tô hợp tác rượu Đường Xuyên, các địa phương có sản phẩm đặc trưng.</p>
3	<p>Nghiên cứu xây dựng và phát triển chuỗi giá trị các sản phẩm hàng hóa đặc trưng cho 03 vùng du lịch tỉnh Kiên Giang.</p>	24	<p>- Thực trạng chuỗi giá trị các sản phẩm hàng hóa đặc trưng của tỉnh Kiên Giang được đánh giá đúng. - Các mô hình phát triển và phương thức vận hành, duy trì chuỗi giá trị các sản phẩm hàng hóa đặc trưng của tỉnh được đề xuất. - Các mô hình phát triển chuỗi giá trị các sản phẩm hàng hóa đặc trưng cho 03 vùng du lịch tỉnh Kiên Giang được triển khai thí điểm. - Các biện pháp duy trì và phát triển các mô hình nâng cao chuỗi giá trị các sản phẩm hàng hóa của tỉnh được đề xuất.</p>	<p>- Khảo sát, đánh giá thực trạng, xác định chuỗi giá trị các sản phẩm hàng hóa đặc trưng của tỉnh Kiên Giang. - Đề xuất các mô hình phát triển và phương thức vận hành, duy trì chuỗi giá trị các sản phẩm hàng hóa đặc trưng của tỉnh. - Triển khai thí điểm các mô hình phát triển chuỗi giá trị các sản phẩm hàng hóa đặc trưng cho 03 vùng du lịch tỉnh Kiên Giang. - Đề xuất các biện pháp duy trì và phát triển các mô hình nâng cao chuỗi giá trị các sản phẩm hàng hóa của tỉnh.</p>	<p>400</p> <p>250</p> <p>150</p> <p>Ngành du lịch, nông nghiệp, công thương, các địa phương có sản phẩm hàng hóa đặc trưng.</p>

K I Ế M



4	<p>Nghiên cứu thực trạng và đề xuất một số mô hình nông nghiệp đô thị ứng dụng công nghệ cao ở TP. Rach Giá và TX. Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang</p>	30	<p>- Đánh giá thực trạng phát triển nông nghiệp đô thị ở TP. Rach Giá và TX. Hà Tiên. - Đề xuất các giải pháp, hướng phát triển nông nghiệp đô thị ứng dụng công nghệ cao hiệu quả, triển vọng cho cư dân thành phố và thị xã. - Triển khai thí điểm một số mô hình nông nghiệp đô thị ứng dụng công nghệ cao triển vọng tại TP. Rach Giá và TX. Hà Tiên.</p>	<p>- Đánh giá thực trạng phát triển nông nghiệp đô thị tại TP. Rach Giá và TX. Hà Tiên giai đoạn 2010 - 2016. - Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội, môi trường, thuận lợi và khó khăn của các mô hình nông nghiệp đô thị đã và đang thực hiện. - Đề xuất giải pháp, hướng phát triển nông nghiệp đô thị các mô hình nông nghiệp đô thị ứng dụng công nghệ cao hiệu quả, triển vọng cho cư dân thành phố và thị xã. - Triển khai thí điểm một số mô hình nông nghiệp đô thị ứng dụng công nghệ cao triển vọng tại TP. Rach Giá và TX. Hà Tiên; khắc phục, hoàn thiện những tồn tại (nếu có) của các mô hình và đề xuất biện pháp nhân rộng.</p>	<p>- Báo cáo tổng kết, tóm tắt đề tài. - Bộ số liệu điều tra, khảo sát. - 02 báo cáo chuyên đề về thực trạng và giải pháp phát triển mô hình nông nghiệp đô thị bền vững. - Danh sách các mô hình nông nghiệp đô thị thích hợp cho TP. Rach Giá và TX. Hà Tiên. - Đề án định hướng phát triển các mô hình nông nghiệp đô thị ứng dụng công nghệ cao cho TP. Rach Giá và TX. Hà Tiên. - Báo cáo kết quả triển khai một số mô hình nông nghiệp đô thị ứng dụng công nghệ cao triển vọng tại TP. Rach Giá và TX. Hà Tiên. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước. - Tham gia đào tạo 02 ThS.</p>	800	400	400	<p>TP. Rach Giá và TX. Hà Tiên, các huyện có điều kiện tương đồng; ngành nông nghiệp; các viện, trường; các nhà hoạch định chính sách, các cơ quan chức năng có liên quan và các hộ dân.</p>	Nhiệm vụ Quy gen
5	<p>Thu thập, lưu giữ, bảo tồn nguồn gen cá thát lát (<i>Notopterus notolentus</i>) tại tỉnh Kiên Giang</p>	24	<p>- Khảo sát đặc điểm, thu thập nguồn gen cá thát lát. - Xây dựng và triển khai mô hình sản xuất giống và nuôi bảo tồn 50 cá bố mẹ; 1.000 cá giống; 500 cá thương phẩm. - Tổ chức đào tạo 4 kỹ thuật viên sản xuất giống và nuôi bảo tồn cá thát lát. - Tổ chức hội thảo phổ biến kết quả bảo tồn cho 40 lượt người đề nâng cao nhận thức về bảo tồn đối tượng này.</p>	<p>- Thu thập nguồn gen cá thát lát tại địa phương. - Triển khai mô hình sản xuất giống và nuôi bảo tồn nguồn gen cá thát lát. - Đánh giá hiệu quả của phương án bảo tồn của dự án, đề xuất hướng bảo tồn và phát triển tiếp theo sau khi dự án kết thúc. - Tổ chức đào tạo 4 kỹ thuật viên sản xuất giống và nuôi bảo tồn cá thát lát. - Tổ chức hội thảo phổ biến kết quả bảo tồn cho 40 cán bộ kỹ thuật và nông dân vùng dự án.</p>	<p>- Báo cáo tổng kết, tóm tắt dự án. - 50 cá bố mẹ; 1.000 cá giống; 500 cá thương phẩm. - Quy trình sinh sản tự nhiên và nhân tạo được hoàn thiện phù hợp điều kiện địa phương. - Quy trình nuôi thương phẩm cá thát lát theo hướng bảo tồn. - 02 báo cáo chuyên đề về sinh sản và nuôi thương phẩm bảo tồn. - 04 kỹ thuật viên về sinh sản và nuôi bảo tồn cá thát lát. - 40 cán bộ kỹ thuật và nông dân được phổ biến kết quả bảo tồn. - 01 bài báo khoa học.</p>	300	200	100	<p>Ngành nông nghiệp, các hộ dân nuôi thủy sản.</p>	Nhiệm vụ Quy gen

6	Thu thập, lưu giữ, bảo tồn nguồn gen kỷ tôm (<i>Physignathus cocininus</i>) và cang cuốc (<i>Varanus bengalensis</i> <i>nebulosa</i> Gray) tại tỉnh Kiên Giang	12	- Khảo sát đặc điểm, thu thập nguồn gen kỷ tôm và cang cuốc. - Xây dựng và triển khai mô hình nuôi bảo tồn đằm bảo lưu giữ bảo tồn 20 con kỷ tôm, 20 con cang cuốc. - Tổ chức hội thảo phổ biến kết quả bảo tồn cho 40 lượt người để nâng cao nhận thức về bảo tồn đối tượng này.	- Thu thập nguồn gen kỷ tôm và cang cuốc. - Triển khai mô hình nuôi bảo tồn nguồn gen kỷ tôm và cang cuốc. - Đánh giá hiệu quả của phương án bảo tồn của dự án, đề xuất hướng bảo tồn và phát triển tiếp theo sau khi dự án kết thúc. - Tổ chức hội thảo phổ biến kết quả bảo tồn cho 40 cán bộ kỹ thuật và nông dân vùng dự án.	- Báo cáo tổng kết, tóm tắt đề tài. - 20 con kỷ tôm, 20 con cang cuốc. - 02 quy trình nuôi bảo tồn kỷ tôm và cang cuốc được hoàn thiện phù hợp điều kiện địa phương. - 01 báo cáo chuyên đề. - 40 cán bộ kỹ thuật và nông dân được phổ biến kết quả bảo tồn. - 01 bài báo khoa học.	400	300	100		Ngành nông nghiệp, các hộ dân nuôi thủy sản.	Nhiệm vụ Quy gen
III Lĩnh vực khoa học xã hội (02)											
1	Nghiên cứu giải pháp bồi dưỡng kỹ năng tư vấn tâm lý cho giáo viên chủ nhiệm tại các trường THCS trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	24	- Đánh giá thực trạng và phân tích các yếu tố ảnh hưởng năng lực và kỹ năng tư vấn tâm lý của giáo viên chủ nhiệm tại các trường THCS tỉnh Kiên Giang. - Đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực và kỹ năng tư vấn tâm lý cho giáo viên chủ nhiệm tại các trường THCS. - Triển khai các giải pháp bồi dưỡng nâng cao năng lực và kỹ năng tư vấn tâm lý cho giáo viên chủ nhiệm tại các trường THCS trên địa bàn tỉnh.	- Điều tra, khảo sát đánh giá thực trạng năng lực và kỹ năng tư vấn tâm lý của giáo viên chủ nhiệm tại các trường THCS. - Đề xuất giải pháp nâng cao năng lực và kỹ năng tư vấn tâm lý của giáo viên chủ nhiệm tại các trường THCS. - Biên soạn tài liệu bồi dưỡng nâng cao năng lực và kỹ năng tư vấn tâm lý của giáo viên chủ nhiệm tại các trường THCS. - Tổ chức triển khai mô hình thực nghiệm tài liệu bồi dưỡng nâng cao năng lực và kỹ năng tư vấn tâm lý của giáo viên chủ nhiệm tại các trường THCS.	- Báo cáo tổng kết, tóm tắt đề tài. - Bộ số liệu điều tra, khảo sát. - 03 bài viết chuyên đề thực trạng, giải pháp và kết quả triển khai mô hình thực nghiệm nâng cao năng lực và kỹ năng tư vấn tâm lý của giáo viên chủ nhiệm tại các trường THCS. - Tài liệu bồi dưỡng nâng cao năng lực và kỹ năng tư vấn tâm lý của giáo viên chủ nhiệm tại các trường THCS. - 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước.	300	200	100		Các cơ quan chức năng có liên quan về quản lý giáo dục, đào tạo và bồi dưỡng giáo viên; các trường THCS; giáo viên	
III Lĩnh vực khoa học xã hội (02)											
III Lĩnh vực khoa học xã hội (02)											



2	<p>Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nâng cao vai trò của phụ nữ Kiên Giang trong gia đình giai đoạn hiện nay</p>	24	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá đúng thực trạng và yêu cầu năng lực phụ nữ Kiên Giang trong tình hình mới dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và bối cảnh hội nhập quốc tế. - Đề xuất các giải pháp nâng cao vai trò của phụ nữ Kiên Giang trong gia đình giai đoạn hiện nay. - Biên soạn cẩm nang bồi dưỡng các kỹ năng nâng cao vai trò của phụ nữ Kiên Giang cũng như chăm sóc, bảo vệ và xây dựng gia đình hạnh phúc. - Triển khai thí điểm bồi dưỡng, tập huấn các nội dung trong cẩm nang biên soạn, đánh giá hiệu quả triển khai và đề xuất biện pháp nhân rộng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Điều tra, đánh giá thực trạng tìm hiểu đặc điểm, phẩm chất và yêu cầu năng lực phụ nữ Kiên Giang trong tình hình mới. - Phân tích làm rõ mối quan hệ giữa người phụ nữ Kiên Giang dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và bối cảnh hội nhập quốc tế. - Đề xuất giải pháp nâng cao vai trò của phụ nữ Kiên Giang trong gia đình giai đoạn hiện nay. - Biên soạn cẩm nang bồi dưỡng các kỹ năng nâng cao vai trò của phụ nữ Kiên Giang cũng như chăm sóc, bảo vệ và xây dựng gia đình hạnh phúc. - Triển khai thí điểm bồi dưỡng, tập huấn các nội dung trong cẩm nang biên soạn cho cán bộ, phụ nữ cấp huyện và cơ sở, chi hội, tổ phụ nữ, hội viên, phụ nữ. - Đánh giá hiệu quả triển khai và đề xuất biện pháp nhân rộng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tổng kết, tóm tắt đề tài. - 02 báo cáo chuyên đề về thực trạng và giải pháp. - Cẩm nang biên soạn. - Kết quả triển khai thí điểm bồi dưỡng, tập huấn các nội dung trong cẩm nang biên soạn. - 02 bài báo đăng trên tạp chí trong nước. 	350	250	100	0	LH Hội Phụ nữ Kiên Giang; Các cơ quan chức năng có liên quan:....	
IV	<p>Lĩnh vực khoa học nhân văn (01)</p>			485	285	200	0				

1	Nghiên cứu và biên soạn sách "Kiên Giang - Nhân vật chí" từ khi thành lập trấn Hà Tiên đến nay.	18	- Có một bộ tư liệu đầy đủ thông tin về các nhân vật tiêu biểu có công trong việc mở mang, khai phá, bảo vệ và xây dựng, phát triển vùng đất Kiên Giang từ khi lập trấn Hà Tiên đến nay. - Xây dựng được bộ tiêu chí các nhân vật tiêu biểu. - Biên soạn thành sách và in ấn, chuyển giao sản phẩm cho các tổ chức, cá nhân có liên quan làm tư liệu nghiên cứu, sử dụng.	- Sưu tầm, tổng hợp và biên soạn thông tin về các nhân vật tiêu biểu có công trong việc mở mang, khai phá, bảo vệ và xây dựng, phát triển vùng đất Kiên Giang từ khi lập trấn Hà Tiên đến nay. - Đề xuất và lấy ý kiến thông nhất về bộ tiêu chí các nhân vật tiêu biểu theo từng tuyến nhân vật (trung và cận đại, hiện đại) trên các phương tiện lịch sử, chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa - xã hội, giáo dục, y tế, văn học nghệ thuật, báo chí. - Tổ chức biên soạn thành sách và tổ chức lấy ý kiến, đánh giá. - In ấn và chuyển giao ấn phẩm cho các tổ chức, cá nhân có liên quan; quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng.	- Báo cáo tổng kết, tóm tắt đề tài. - Bộ tư liệu thông tin về các nhân vật tiêu biểu. - 03 báo cáo chuyên đề về: Nhân vật chí từ trấn Hà Tiên đến khi có Đảng; Nhân vật chí Kiên Giang thời kỳ chống Pháp; Nhân vật chí Kiên Giang giai đoạn chống Mỹ và thời kỳ hòa bình. - 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước. - 300 ấn phẩm sách "Kiên Giang - Nhân vật chí". - 01 chuyên mục trên Đài PTTH Kiên Giang.	485	285	200	0	0	Pan Tuyên giáo Tỉnh ủy; Sở VH&TT, Sở Du lịch, Sở GD&ĐT, Hội Nhà báo,....	Uỷ quyền Sở KH&CN phê duyệt danh mục
B	Đề tài cấp cơ sở	12				2.600	2.600	0	0	0		
1	Dự kiến thực hiện tại các huyện, thị xã, thành phố; các ban, ngành, đoàn thể; các đơn vị có chức năng hoạt động khoa học và công nghệ.	12				2.000	2.000	0	0	0		
2	Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ quản lý KH&CN trên địa bàn cấp huyện	12				600	600	0	0	0		
C	Các chương trình, dự án và các nhiệm vụ KH&CN khác					11.700	11.700					
	Tổng					26.625	18.635	2.900	5.090			